

# VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN TRONG VIỆC BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC HỌC TẬP SUỐT ĐỜI CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

**Đồng Thị Xuân Dung**

Trường Đại học Tân Trào

Email: dongdungtt@gmail.com.

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh giáo dục đại học chuyển sang định hướng phát triển năng lực, học tập suốt đời được xem là năng lực cốt lõi đối với sinh viên. Bài viết phân tích vai trò của giảng viên trong việc phát triển năng lực học tập suốt đời cho sinh viên Trường Đại học Tân Trào thông qua phương pháp giảng dạy tích cực, ứng dụng công nghệ và khuyến khích tự học. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu khảo sát từ 120 sinh viên và 15 giảng viên. Kết quả cho thấy giảng viên giữ vai trò then chốt trong việc định hướng, tạo động lực và hỗ trợ sinh viên hình thành năng lực học tập suốt đời, đặc biệt trong bối cảnh sinh viên chủ yếu đến từ vùng dân tộc thiểu số và khu vực khó khăn.

**Từ khóa:** Năng lực học tập suốt đời, người dạy, sinh viên, Trường Đại học Tân Trào, giáo dục đại học.

Nhận bài: 05/01/2026; Biên tập: 06/01/2026; Phản biện: 12/01/2026; Duyệt đăng: 19/01/2026.

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục (GD) đang chuyển mình mạnh mẽ, các trường đại học (ĐH) không chỉ được kỳ vọng cung cấp kiến thức chuyên môn mà còn phải trang bị cho người học năng lực học tập (NLHT) liên tục trong suốt cuộc đời. Vì vậy, phát triển NLHT suốt đời được xem là một trong những mục tiêu cốt lõi của GD ĐH hiện nay. Nhiều nghiên cứu cho rằng học tập suốt đời (HTSD) giúp sinh viên (SV) phát triển tư duy phản biện, nâng cao tinh thần tự chủ trong học tập và thích ứng hiệu quả với những thay đổi nhanh chóng về xã hội và công nghệ.

Đối với các cơ sở GD như Trường Đại học Tân Trào (ĐHTT), nơi phần lớn SV đến từ các vùng nông thôn, miền núi và các nhóm dân tộc thiểu số, việc bồi dưỡng NLHT suốt đời càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Năng lực này góp phần thu hẹp khoảng cách GD, nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm và thúc đẩy dịch chuyển xã hội cho người học. Trong bối cảnh đó, giảng viên (GV) giữ vai trò then chốt trong việc định hướng, tạo động lực và hỗ trợ SV phát triển các kỹ năng (KN) HTSD. Bài viết tập trung phân tích cách thức GV Trường ĐHTT thúc đẩy năng lực này thông qua việc áp dụng các phương pháp giảng dạy (PPGD) đổi mới, tích hợp công nghệ số, khuyến khích học tập tự chủ và xây dựng môi trường học tập hỗ trợ.

Trong quá trình này, GV đóng vai trò quyết định. Không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ kiến thức, GV còn là người hỗ trợ, khích lệ và dẫn dắt SV hình thành thói quen tự học và tư duy phản biện. Thông qua việc áp dụng các PPGD tích cực, tích hợp công nghệ vào hoạt động giảng dạy, khuyến khích tự học và xây dựng môi trường học tập thân thiện, GV góp phần trực tiếp vào việc hình thành và phát triển NLHT suốt đời cho SV.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu

Khái niệm HTSD đã được thảo luận rộng rãi trong cả bối cảnh giáo dục quốc tế và trong nước, đồng thời được xem là một nguyên lý nền tảng của các hệ thống GD đương đại. HTSD thường được hiểu là một quá trình liên tục, tự nguyện và có động lực nội tại nhằm lĩnh hội kiến thức và KN trong suốt cuộc đời mỗi cá nhân, vượt ra ngoài khuôn khổ của GD chính quy để phục vụ cả nhu cầu hoàn thiện bản thân và phát triển nghề nghiệp.

Nhiều tổ chức quốc tế đã nhấn mạnh HTSD như một mục tiêu cốt lõi của GD. Theo UNESCO, HTSD bao gồm các năng lực quan trọng như tư duy phản biện và tư duy phản tư, khả năng giải quyết vấn đề, năng lực thích ứng với thay đổi và sử dụng hiệu quả các công nghệ số. Tương tự, OECD (2019) xác định HTSD là một thành tố trung tâm của GD theo định hướng phát triển năng lực, nhấn mạnh vai trò của tính tự chủ trong học tập, khả năng tự điều chỉnh và phát triển KN liên tục nhằm hướng tới tăng trưởng kinh tế và xã hội bền vững. Những quan điểm này cho thấy HTSD không chỉ là trách nhiệm của cá nhân mà còn là cam kết chung của các cơ sở GD, đội ngũ GV và các nhà hoạch định chính sách.

Tuy nhiên, trong bối cảnh VN, việc thúc đẩy HTSD vẫn còn gặp nhiều thách thức. Các nghiên cứu chỉ ra rằng nhiều SV, đặc biệt là những người đến từ khu vực nông thôn hoặc có hoàn cảnh kinh tế - xã hội khó khăn, vẫn phụ thuộc nhiều vào sự hướng dẫn của GV và gặp trở ngại trong học tập tự chủ (Phạm, 2018; Nguyen & Tran, 2021). Thực trạng này cho thấy vai trò quan trọng của GV trong việc thiết kế các hoạt động học tập có tính hỗ trợ, từng bước giúp SV phát triển tính độc lập và xây dựng môi trường học tập nuôi dưỡng NLHT suốt đời.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng thiết kế nghiên cứu hỗn hợp (mixed-method) nhằm đạt được cái nhìn toàn diện về cách thức NLHT suốt đời được hình thành và phát triển tại Trường ĐHTT. Việc kết hợp giữa

PP định lượng và định tính cho phép nghiên cứu vừa bao quát được bức tranh chung, vừa đi sâu phân tích các khía cạnh cụ thể của vấn đề nghiên cứu. Tổng cộng có 120 SV và 15 GV thuộc nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau tham gia khảo sát, qua đó cung cấp những góc nhìn đa dạng về thực tiễn và thách thức trong việc thúc đẩy HTSD trong bối cảnh nhà trường.

Dữ liệu được thu thập chủ yếu thông qua bảng hỏi có cấu trúc, bao gồm cả câu hỏi đóng và câu hỏi mở. Các câu hỏi đóng tập trung khảo sát mức độ nhận thức của SV về HTSD, hành vi học tập hiện tại, cũng như đánh giá của họ về vai trò của GV trong việc thúc đẩy học tập tự định hướng. Những câu hỏi này tạo ra dữ liệu định lượng, sau đó được xử lý bằng các kỹ thuật thống kê mô tả nhằm xác định tần suất, tỷ lệ phần trăm và các xu hướng chung. Cách tiếp cận này cho phép so sánh quan điểm của SV và GV, như đã trình bày trong phần kết quả nghiên cứu.

Bên cạnh đó, các câu hỏi mở tạo điều kiện để SV và GV trình bày chi tiết hơn về trải nghiệm cá nhân, những rào cản gặp phải và các đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả HTSD. Dữ liệu định tính được phân tích bằng PP mã hóa theo chủ đề, trong đó các chủ đề lặp lại liên quan đến động lực học tập, tính tự chủ trong học tập và những hạn chế về bối cảnh được xác định và phân loại. Việc tích hợp dữ liệu định lượng và định tính đóng vai trò như một hình thức tam giác hóa PP, góp phần nâng cao độ tin cậy và giá trị của kết quả nghiên cứu, đồng thời cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn về sự phát triển NLHTT suốt đời tại Trường ĐHTT.

### 2.3. Kết quả nghiên cứu

#### 2.3.1. Nhận thức của SV về HTSD

Trên 70% SV thừa nhận rằng HTSD là một KN thiết yếu đối với sự phát triển nghề nghiệp và cá nhân trong tương lai. Tuy nhiên, chỉ khoảng một phần ba số SV cho biết họ có hiểu biết rõ ràng về cách thức tham gia vào các hoạt động học tập tự định hướng ngoài yêu cầu trên lớp. Khoảng cách này cho thấy nhu cầu cấp thiết về sự hướng dẫn rõ ràng và có hệ thống hơn từ phía GV trong việc hình thành thói quen học tập độc lập cho SV.

**Bảng 1. Nhận thức của SV về HTSD (N = 120)**

| Nội dung khảo sát                                                                  | Tỷ lệ (%) |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng HTSD là cần thiết                                | 85        |
| Có ý định tiếp tục học tập sau khi tốt nghiệp                                      | 78        |
| Đánh giá cao vai trò của GV trong việc hỗ trợ KN tự học                            | 72        |
| Thường xuyên được GV khuyến khích đọc và tìm kiếm tài liệu ngoài nội dung trên lớp | 54        |

**Bảng 2. Hành vi học tập hiện tại của SV (N = 120)**

| Hành vi học tập                         | Tỷ lệ (%) |
|-----------------------------------------|-----------|
| Thường xuyên ghi chép bài trong giờ học | 91        |
| Chủ động tìm kiếm thêm tài liệu học tập | 67        |
| Tham gia học nhóm với bạn bè            | 60        |

|                                                               |    |
|---------------------------------------------------------------|----|
| Không có kế hoạch học tập cá nhân rõ ràng                     | 41 |
| Chỉ học trong giờ lên lớp, không có hoạt động học tập bổ sung | 14 |

Bảng 2 cho thấy phần lớn SV thực hiện các hoạt động học tập cơ bản như ghi chép bài và học nhóm; vẫn còn một tỷ lệ đáng kể SV thiếu kế hoạch học tập cá nhân rõ ràng và một bộ phận nhỏ vẫn phụ thuộc nhiều vào việc học tập trên lớp mà chưa chủ động mở rộng các hoạt động học tập ngoài giờ.

#### 2.3.2. Nhận thức của GV về HTSD

Kết quả khảo sát cho thấy 100% GV thừa nhận HTSD là một yếu tố hết sức quan trọng trong GD đại học. HTSD không chỉ là năng lực cốt lõi đối với sự nghiệp tương lai của SV mà còn là phẩm chất cần thiết đối với chính GV, những người phải thường xuyên cập nhật kiến thức và thích ứng với các bối cảnh giảng dạy mới.

Về phương diện triển khai, một tỷ lệ đáng kể GV cho biết họ thường xuyên tích hợp các hoạt động thúc đẩy HTSD vào quá trình giảng dạy. Các chiến lược phổ biến bao gồm giao nhiệm vụ đọc tài liệu độc lập, khuyến khích SV tự học thông qua các nguồn trực tuyến và tổ chức thảo luận nhóm nhằm phát triển tư duy phản biện. Một số GV cũng nhấn mạnh vai trò của việc hướng dẫn SV khai thác hiệu quả thư viện số và các nguồn học liệu mở.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng chỉ ra nhiều thách thức đáng kể. Nhiều GV cho rằng SV còn thiếu động lực tự học, phụ thuộc quá nhiều vào hoạt động học tập trên lớp, hoặc gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn tài liệu học tập phù hợp. Một vấn đề thường xuyên được nhắc đến khác là năng lực sử dụng CNTT cho mục đích học thuật của SV còn hạn chế.

Về các giải pháp đề xuất, GV kiến nghị:

Tăng cường KN tìm kiếm và đánh giá thông tin cho SV;

Khuyến khích SV sử dụng các công cụ số và nền tảng trực tuyến phục vụ học tập độc lập;

Cung cấp hướng dẫn cụ thể hơn về cách thiết lập mục tiêu học tập cá nhân và quản lý thời gian hiệu quả;

Tăng cường hỗ trợ từ phía nhà trường thông qua việc hiện đại hóa học liệu và tổ chức các buổi tập huấn về học tập tự định hướng.

Nhìn chung, quan điểm của GV có sự tương đồng với phản hồi của SV được trình bày ở Mục 2.3.1. Cả hai nhóm đều thừa nhận tầm quan trọng của HTSD, song vẫn tồn tại một khoảng cách rõ rệt giữa nhận thức và thực hành. Phát hiện này cho thấy cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa GV và nhà trường nhằm hình thành thói quen học tập bền vững cho SV.

#### 2.3.3. So sánh giữa SV và GV

Việc so sánh quan điểm của SV và GV cho thấy cả những điểm tương đồng và khác biệt trong cách nhìn nhận về HTSD.

**Bảng 3. So sánh quan điểm của SV và GV về HTSD**

| Nội dung khảo sát                                                     | Sinh viên<br>(N = 120) | Giảng viên<br>(N = 15) |
|-----------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Cho rằng HTSD là thiết yếu                                            | 85 %                   | 100 %                  |
| Có ý định tiếp tục học tập sau tốt nghiệp / trong suốt sự nghiệp      | 78 %                   | 100 %                  |
| Tin rằng giảng viên đóng vai trò then chốt trong việc phát triển HTSD | 72 %                   | 100 %                  |
| Cho biết thường xuyên được khuyến khích học tập độc lập               | 54 %                   | 87 %                   |
| Nhận định thiếu động lực học tập là thách thức lớn                    | 41 %                   | 80 %                   |
| Nhận định thói quen học tập thụ động là trở ngại chính                | 36 %                   | 73 %                   |

Như thể hiện trong Bảng 3, cả SV và GV đều ghi nhận mạnh mẽ tầm quan trọng của HTSD như một năng lực then chốt đối với thành công học thuật và sự phát triển nghề nghiệp lâu dài. GV nhất quán nhấn mạnh vai trò của HTSD đối với khả năng thích ứng và cơ hội việc làm trong bối cảnh xã hội và công nghệ biến đổi nhanh chóng, trong khi đa số SV cũng nhận thức được giá trị của năng lực này đối với sự phát triển cá nhân và tương lai nghề nghiệp.

Xét về các thách thức, cả hai nhóm đều chỉ ra động lực học tập hạn chế và điều kiện tiếp cận học liệu còn khó khăn là những rào cản lớn. Tuy nhiên, GV có xu hướng đánh giá các thói quen học tập thụ động của SV cũng như sự hạn chế về KN tìm kiếm, đánh giá nguồn thông tin số và sử dụng công nghệ GD là những trở ngại nghiêm trọng hơn so với cách SV tự nhìn nhận. Ngược lại, SV thường quy nguyên nhân khó khăn của mình cho việc thiếu hướng dẫn cụ thể và các chiến lược rõ ràng cho học tập độc lập.

Tổng thể, các kết quả này cho thấy mặc dù nhận thức về HTSD ở cả hai nhóm là tương đối cao, quá trình chuyển từ nhận thức sang thực hành bền vững vẫn còn chưa đồng đều. Việc thu hẹp khoảng cách này đòi hỏi không chỉ nâng cao năng lực tự học và tính tự chủ của SV mà còn cần đảm bảo các hoạt động giảng dạy và cơ chế hỗ trợ của nhà trường cung cấp định hướng rõ ràng và sự củng cố liên tục cho các hành vi HTSD.

#### 2.4. Thảo luận

##### 2.4.1. Nhận thức và mức độ sẵn sàng của SV đối với HTSD

Kết quả khảo sát cho thấy hơn 70% SV thừa nhận HTSD là một năng lực thiết yếu đối với sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp. Mức độ nhận thức cao này phản ánh một nền tảng tích cực, khi SV ý thức được tầm quan trọng của việc học tập liên tục trong bối cảnh xã hội thay đổi nhanh chóng. Tuy nhiên, việc chỉ khoảng một phần ba số SV cho biết họ hiểu rõ cách thức tham gia vào các hoạt động học tập tự định hướng ngoài yêu cầu trên lớp đã bộc lộ một khoảng cách đáng kể giữa nhận thức và mức độ sẵn sàng thực hành.

Khoảng cách này phù hợp với các nghiên cứu trước đây, trong đó chỉ ra rằng mặc dù SV có thể đánh giá cao HTSD về mặt khái niệm, họ thường thiếu các KN, chiến lược và thói quen thực tiễn cần thiết để duy trì năng lực này trong thực tế (Candy, 2002; Kember và cộng sự, 2007). Các KN học tập tự điều chỉnh như xác định mục tiêu, quản lý thời gian và thực hành phản tư thường chưa được chú trọng đầy đủ trong các chương trình đào tạo tiếng Anh như một ngoại ngữ. Tại Trường ĐHTT, nơi nhiều SV đến từ khu vực nông thôn và các nhóm dân tộc thiểu số, những thách thức này càng trở nên rõ nét hơn do hạn chế trong việc tiếp cận công nghệ và thiếu cơ hội học tập độc lập trước khi bước vào GD đại học.

##### 2.4.2. Vai trò của GV như những người thúc đẩy HTSD

Kết quả nghiên cứu cũng khẳng định rằng GV đóng vai trò then chốt trong việc thu hẹp khoảng cách giữa nhận thức và mức độ sẵn sàng HTSD của SV. Các GV tham gia nghiên cứu nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc phát triển tính tự chủ học tập cho người học và cho biết họ đã áp dụng nhiều chiến lược khác nhau, như sử dụng PPDH tích cực, tích hợp các nguồn tài nguyên số và cung cấp phản hồi đối với các hoạt động tự học của SV. Cách tiếp cận này phù hợp với lý thuyết andragogy của Knowles (1975), trong đó nhấn mạnh vai trò của GV như những người hỗ trợ, tạo điều kiện để người học chủ động chịu trách nhiệm đối với quá trình học tập của bản thân.

##### 2.4.3. Những thách thức mang tính bối cảnh tại Trường ĐHTT

Bối cảnh thể chế và văn hóa - xã hội của Trường ĐHTT có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình hình thành và phát triển năng lực HTSD của SV. Một tỷ lệ lớn SV xuất thân từ các cộng đồng kinh tế khó khăn và các nhóm dân tộc thiểu số, nơi điều kiện tiếp cận công nghệ và nguồn học liệu học thuật còn hạn chế. Mặc dù nhà trường đã trang bị hệ thống Wi-Fi miễn phí, phòng máy tính và thư viện số, nhiều SV vẫn thiếu các KN số cần thiết để khai thác hiệu quả những nguồn lực này cho mục đích học tập.

##### 2.4.4. Các chiến lược thực tiễn dành cho GV

Dựa trên kết quả nghiên cứu và các tài liệu liên quan, một số chiến lược thực tiễn có thể được đề xuất cho giảng viên tại Trường ĐHTT như sau:

Giảng dạy trực tiếp các chiến lược học tập: GV cần hướng dẫn cụ thể cho SV các KN như xác định mục tiêu học tập, quản lý thời gian và học tập phản tư, thay vì giả định rằng sinh viên sẽ tự hình thành các KN này một cách tự nhiên.

Xây dựng tính tự chủ theo lộ trình: Các nhiệm vụ học tập nên được thiết kế theo hướng tăng dần mức độ phức tạp và trách nhiệm của người học, qua đó hỗ trợ SV từng bước phát triển năng lực học tập tự chủ.

Thúc đẩy KN số: GV cần hướng dẫn SV sử dụng hiệu quả các nguồn học liệu trực tuyến, thư viện số và các nền tảng học tập cộng tác nhằm phục vụ cho quá trình học tập độc lập.

#### 2.4.5. Hạn chế của nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu này vẫn còn một số hạn chế cần được ghi nhận. Thứ nhất, quy mô mẫu nghiên cứu tương đối nhỏ, chỉ bao gồm 120 SV và 15 GV tại một cơ sở đào tạo, do đó mức độ khái quát hóa kết quả còn hạn chế. Thứ hai, việc sử dụng dữ liệu tự báo cáo có thể dẫn đến thiên lệch do xu hướng trả lời mang tính xã hội. Các nghiên cứu trong tương lai có thể áp dụng thiết kế nghiên cứu theo chiều dọc, quan sát lớp học hoặc phỏng vấn chuyên sâu nhằm hiểu rõ hơn quá trình hình thành năng lực HTSD trong thực tiễn. Ngoài ra, các nghiên cứu so sánh giữa các trường ĐH ở khu vực đô thị và nông thôn cũng sẽ mang lại những góc nhìn giá trị.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu này đã xem xét quan điểm của SV và GV về HTSD tại Trường ĐHTT, trong đó đặc biệt nhấn mạnh vai trò của GV trong việc phát triển NLHT suốt đời cho SV. Kết quả cho thấy, mặc dù đa số SV nhận thức được tầm quan trọng của HTSD đối với sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp, chỉ một bộ phận hạn chế có đủ KN, chiến lược và sự tự tin cần thiết để tham gia hiệu quả vào các hoạt động học tập tự định hướng ngoài yêu cầu trên lớp.

Trong khi đó, GV thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc thúc đẩy HTSD thông qua các PP dạy học lấy người học làm trung tâm và việc tích hợp các nguồn tài nguyên số; tuy nhiên, những nỗ lực này thường bị hạn chế bởi các yếu tố bối cảnh liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội, thói quen học tập và mức độ sẵn sàng học tập của SV.

Tóm lại, việc thúc đẩy HTSD đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa SV, GV và nhà trường. SV cần được hướng dẫn liên tục để từng bước làm chủ quá trình học tập của mình; GV cần tiếp tục áp dụng các PPGD hỗ trợ tính tự chủ và nhạy cảm với bối cảnh văn hóa; và nhà trường cần xây dựng các cơ chế, chính sách và nguồn lực phù hợp nhằm hỗ trợ sự phát triển của HTSD. Thông qua việc giải quyết đồng bộ các yếu tố này, Trường ĐHTT có thể chuẩn bị tốt hơn cho SV không chỉ đáp ứng yêu cầu việc làm trước mắt mà còn có khả năng học tập liên tục và tham gia tích cực vào một xã hội ngày càng phức tạp và biến đổi nhanh chóng ■

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Benson, P. (2011). *Teaching and researching autonomy* (2nd ed.). Routledge.
- [2]. OECD. (2019). *Future of education and skills 2030*. OECD Publishing.
- [3]. UNESCO (2020). *Embracing lifelong learning for all*. UNESCO Publishing.

## The role of lecturers in fostering lifelong learning competency among students at Tan Trao University

Dong Thi Xuan Dung

Tan Trao University

Email: dongdungtg@gmail.com.

**Abstract:** In the context of higher education shifting towards competency-based development, lifelong learning is considered a core competency for students. This article analyzes the role of lecturers in developing lifelong learning competencies for students at Tan Trao University through active teaching methods, technology application, and encouragement of self-learning. The study uses survey data from 120 students and 15 lecturers. The results show that lecturers play a crucial role in guiding, motivating, and supporting students in developing lifelong learning competencies, especially in the context of students mainly coming from ethnic minority and disadvantaged areas.

**Keywords:** Lifelong learning competency, teachers, students, Tan Trao University, higher education.